

Số: 467/TB-CCTHADS

Tuy Đức, ngày 22 tháng 3 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp, về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Bản án số 20/2019/DSST ngày 26/11/2019 của TAND huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 235/QĐ-CCTHADS ngày 06/01/2020 và số 271/QĐ-CCTHADS ngày 26/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự (THADS) huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 12/QĐ-CCTHADS ngày 30/9/2021 của Chi cục THADS huyện Tuy Đức;

Căn cứ Biên bản xác minh ngày 06/12/2023 và ngày 08/12/2023 của Chấp hành viên Chi cục THADS huyện Tuy Đức;

Căn cứ biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 16/01/2024 của Chấp hành viên Chi cục THADS huyện Tuy Đức,

Căn cứ Thông báo số 322/TB-CCTHADS ngày 17/01/2024 về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá và Thông báo số 341/TB-CCTHADS ngày 24/01/2024 của Chấp hành viên Chi cục THADS về kết quả lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản;

Ngày 11/3/2024 Chi cục THADS nhận được kết quả thẩm định giá tại chứng thư số 162/2024/CTTĐG-THBM ngày 04/03/2024 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Trung Hải Ban Mê;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định giá số 420/TB-CCTHADS ngày 11/3/2024 của Chấp hành viên Chi cục THADS huyện Tuy Đức;

Đã hết thời gian thông báo theo quy định, các bên đương sự không yêu cầu định giá lại tài sản, Chi cục Thi hành án dân sự (THADS) huyện Tuy Đức thông báo về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản để ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản như sau:

1. Người có tài sản đấu giá:

Chi cục THADS huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: thôn 2, xã Đắk Búk So, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

2. Tài sản đấu giá:

Thửa đất số 17; tờ bản đồ số 204, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **CD 933319** là 24.293,5 m², hình thức sử dụng: sử dụng riêng, đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến năm 2066, do UBND huyện Tuy Đức cấp ngày 05/4/2016 đứng tên hộ ông Hoàng Văn Hiếu và bà Trần Thị Diệp (ông Nguyễn Trung Hiếu nhận chuyển nhượng theo hồ sơ biến động số : 000181.CN.083. Và toàn bộ tài sản trên đất (theo biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 16/01/2024)

3. Giá khởi điểm: 825.482.000 đồng (Tám trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng).

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá:

Các tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Khoản 4 Điều 56 Luật đấu giá tài sản; Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp, về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản (đính kèm Phụ lục bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản theo thông báo này).

5. Các hồ sơ, tài liệu nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Văn bản đăng ký tham gia tổ chức đấu giá
- Hồ sơ năng lực, bảng chấm điểm của tổ chức đấu giá

6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

Thời gian nộp hồ sơ (Trong giờ hành chính) Từ 8 giờ 00 phút ngày 22/3/2024 đến 16 giờ 30 phút, ngày 28/3/2024 tại Chi cục THADS huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Vậy, Thông báo để các tổ chức bán đấu giá được biết./.

Nơi nhận:

- Trang TTĐT Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Trang TTĐT Tổng cục THADS;
- Trang TTĐT Quốc gia về đấu giá tài sản;
- Viện KSND huyện Tuy Đức;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Thạch Văn Hải

PHỤ LỤC

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
 (Kèm theo thông báo số 467/TB-CCTHADS ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Chi cục THADS huyện Tuy Đức)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0

6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>	5,0
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4,0
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5,0

4	So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0



2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4,0
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định: Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá tài sản cùng loại trên địa bàn tỉnh (điểm ưu tiên chọn đơn vị tổ chức đấu giá thành công nhiều nhất)	5,0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>

Ghi chú:

1. Tài sản đấu giá cùng loại là tài sản đấu giá được quy định trong cùng một điểm của khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản, ví dụ: quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai thuộc tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản; quyền sử dụng đất bị kê biên theo pháp luật về thi hành án dân sự thuộc tài sản thi hành án quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản; quyền sử dụng đất thế chấp cho tổ chức tín dụng và được tổ chức tín dụng bán đấu giá theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm thuộc tài sản bảo đảm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản.

2. Năm trước liền kề tại mục 1, mục 2, mục 6 và mục 8 Phần III Phụ lục I Thông tư này được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12.

3. Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn do tổ chức đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục này.

Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản; tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thì tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp các thông tin này.

4. Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Người có tài sản không được yêu cầu tổ chức đấu giá tài sản nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.